TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2023/DS-PT
Ngày 08 tháng 9 năm 2023
Về việc tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tân

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư K phiên tòa: Bà Võ Minh Thu - Thư K Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Ông Trương T Tín, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 124/2023/QĐ-PT, ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên Đ:* Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1936. Địa chỉ: Ấp M, xã T, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên Đ: Ông Huỳnh Thành T, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp M, xã T, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

- *Bị Đ:* Bà Lê Kim C, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp O, xã T, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Trần Văn C1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu *(giấy ủy quyền ngày 09/6/2023)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C: Luật sư Trần Quốc K – Văn phòng Luật sư Ngô Đình Chiến. Địa chỉ: Số 362, Nguyễn Trãi, khóm 4, Phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Uỷ ban nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Trụ sở: Khóm 1, Phường 1, Thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Thanh Trực – Chức vụ Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà Lữ Thị C2, sinh năm 1936. Địa chỉ: Ấp 10, xã Tân Phong, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo uỷ quyền của bà C2: Ông Huỳnh Thành T, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp M, xã P, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

3. Ông Đặng Văn S, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp 8, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Ông Trần Văn C1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp Thạnh Tây B, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. *(giấy ủy quyền ngày 09/6/2023)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông S: Luật sư Trần Quốc Khương – Văn phòng Luật sư Ngô Đình Chiến. Địa chỉ: Số 362, Nguyễn Trãi, khóm 4, Phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Kim C và ông Đặng Văn S.

(Ông T; ông C1, ông Khương có mặt; ông Trực có Đ xin xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đ khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên Đ trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 688m^2, toạ lạc tại ấp Kinh Lớn, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu là của ông bà nội ông chết để lại cho cha ông là ông Huỳnh Văn T sử dụng từ trước năm 1975. Trong thời gian sử dụng đất có cho bà Trần Thị K (mẹ ruột bà C) mượn; việc cho mượn có làm giấy tờ *(Tờ cho mượn thổ cư, ngày 30/01/1996)*; khi cho mượn có nói rõ là khi nào chết thì trả lại đất. Năm 2006 bà K chết thì con gái bà K là bà Trần Thị Đ đến gặp gia đình ông T để xin tiếp tục mượn đất chôn cất bà K, gia đình ông đồng ý cho mượn và có làm giấy tay *(tờ cho mượn đất cất nhà ngày 10/8/2013)*. Cho mượn đất năm 2006 nhưng đến năm 2013 thì mới yêu cầu bà Đ làm giấy tay. Đến khoảng năm 2020 thì bà Đ chết, lúc này bà C có đến tiếp tục mượn đất chôn cất bà Đ, gia đình ông đồng ý cho chôn bà Đ và Uỷ ban nhân dân xã Tân Thạnh có làm biên bản. Tuy nhiên, đến nay gia đình ông có nhu cầu sử dụng nhưng bà C ngang nhiên chiếm đất không trả từ đó xảy ra tranh chấp cho đến nay. Nay, ông T khởi kiện yêu cầu bà C có trách nhiệm giao trả phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 688m^2 đất toạ lạc tại ấp Kinh Lớn, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Bị Đ bà Lê Kim C trình bày: Bà C xác định phần đất này là của mẹ bà là bà Trần Thị K tự khai phá mà có, sau khi bà K chết thì để lại cho bà Đ quản lý sử dụng, nay bà Đ chết để lại cho bà tiếp tục quản lý sử dụng. Phần đất trên bà K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc ông T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khởi kiện yêu cầu trả lại đất là không đúng. Trên đất có mồ mã mẹ và chị gái bà, còn có căn nhà của mẹ bà trên đất nên không thể nào là đất

của ông T. Việc ông T trình bày có cho bà K và bà Đ mượn đất bà không biết do không được mẹ và chị bà nói lại khi còn sống.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai ông Đỗ Thanh Trực – Chức vụ Phó phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Giá Rai tỉnh Bạc Liêu có bản tự khai nội dung như sau: Trình tự thỉ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích tranh chấp hiện nay cấp cho ông Huỳnh Văn T đúng với quy định pháp luật tại thời điểm cấp giấy, đến nay chưa phát hiện sai sót.

Ngày 20/3/2023 ông Huỳnh Thành T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 209.4m^2, nằm tại thửa 196, tờ bản đồ 04 (bản đồ 299), tương ứng thửa 298 tờ bản đồ 02 (bản đồ 378).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST, ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T đối với bà Lê Kim C về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Buộc bà Lê Kim C, ông Đặng Văn S có trách nhiệm tháo dở, di dời 01 căn nhà chính, 01 mái che, 01 nhà vệ sinh để giao trả phần đất có diện tích 456.5m^2 nằm tại thửa 297, thửa 300 tờ bản đồ 02 (bản đồ 378). Đất tọa lạc tại ấp Kinh Lớn, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu để giao trả cho ông Huỳnh Văn T và bà Lữ Thị C2. Phần đất tranh chấp có số đo và vị trí tứ cạnh cụ thể như sau:

- Hướng đông giáp phần đất tranh chấp thứ hai có số đo cạnh dài 16.50 + 17.50 + 10.17m;

- Hướng Tây giáp phần đất ông Huỳnh Văn T có số đo cạnh dài 34.20m;

- Hướng Nam giáp đường bên tông có số đo cạnh dài 5.54m + 5.18m;

- Hướng Bắc giáp phần đất ông Huỳnh Văn T có số đo cạnh dài 9.40m;

Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực buộc bà Lê Kim C, ông Đặng Văn S có trách nhiệm tháo dở, di dời 01 căn nhà chính, 01 mái che, 01 nhà vệ sinh để giao trả phần đất có diện tích 456.5m^2 nêu trên cho ông Huỳnh Văn T và bà Lữ Thị C2.

2. Công nhận phần nền mộ có diện tích 18.40m^2 và lối đi vào mộ có diện tích 8.20m^2 cho bà Lê Kim C quản lý sử dụng. Phần đất nằm tại thửa 297, thửa 300 tờ bản đồ 02 (bản đồ 378). Đất tọa lạc tại ấp Kinh Lớn, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. *(Có vị trí tứ cạnh như mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 17/4/2023)*

3. Buộc bà Lê Kim C có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng đất nền mộ và lối đi vào mộ diện tích 26.6m^2 bằng 4.522.000 đồng.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T đối với bà Lê Kim C về việc yêu cầu giao trả phần đất thứ II có diện tích 204.9m^2 thuộc thửa 298 tờ bản đồ 02 (bản đồ 378), đất tọa lạc tại ấp Kinh Lớn, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Có vị trí tứ cạnh cụ thể như sau:

- Hướng đông giáp phần đất của ông Trần Văn Xệ có số đo cạnh dài 40.83m;

- Hướng Tây giáp phần đất tranh chấp thứ nhất có số đo cạnh dài 16.50m + 17.50;

- Hướng Nam giáp lối đi vào mộ có số đo cạnh dài 16.48m;

- Hướng Bắc giáp phần đất tranh chấp thứ nhất có số đo cạnh dài 0m;

Hiện trạng trên đất tranh chấp có 02 cây tràm núi; 02 cây dừa.

5. Ông Huỳnh Văn T và bà Lữ Thị C2; bà Lê Kim C có quyền liên hệ cơ quan chuyên môn điều chỉnh, đăng K biến động diện tích quyền sử dụng đất nêu trên khi có nhu cầu.

6. Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Lữ Thị C2 trả giá trị cây trồng trên đất cho bà Lê Kim C số tiền 1.665.000 đồng. Ông Huỳnh Văn T và bà Lữ Thị C2 được quyền quản lý sử dụng; 02 bụi lục bình; 06 bụi chuối; 04 cây mai trắng; 07 cây mai tứ quý; 01 bông trang đỏ; 01 cây bông trang vàng nằm trên phần đất có diện tích 456.5m^2 nằm tại thửa 297, thửa 300 tờ bản đồ 02 (bản đồ 378). Đất tọa lạc tại ấp Kinh Lớn, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

7. Buộc bà Lê Kim C và ông Đặng Văn S có trách nhiệm giao 02 bụi lục bình; 06 bụi chuối; 04 cây mai trắng; 07 cây mai tứ quý; 01 bông trang đỏ; 01 cây bông trang vàng cho ông T và bà C2 quản lý sử dụng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 08/6/2023, bà Lê Kim C và ông Đặng Văn S kháng cáo Bản án 30/2023/DS-ST, ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét theo hướng sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Lê Kim C và ông Đặng Văn S giữ nguyên nội dung kháng cáo; nguyên Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bà C nộp cho tòa án Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Trần Thị K; sổ mục kê ruộng đất; phiếu trả lời kết quả của T tâm công nghệ thông tin (Sở Tài nguyên và môi trường) và trình bày ý kiến: Việc trả lời của cơ quan chuyên môn thị xã Giá Rai xác định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T không sai là chưa có đúng, cấp nhầm. Mặc khác, giấy mượn đất không ghi đúng tên người mượn, rất lâu sau chính quyền địa phương mới xác nhận,, chử K bà Đ không đúng sự thật. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận chứng cứ xử buộc bà C trả đất là chưa vững chắc. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị Đ, công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp cho bà K (bà C).

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Kim C và ông Đặng Văn S, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST, ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Đ kháng cáo của bà Lê Kim C và ông Đặng Văn S nộp trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc phẩm, nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị Đ bà Lê Kim C và ông Đặng Văn S:

[2.1] Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 483.1m^2 nằm tại thửa 197, tờ bản đồ 04 (bản đồ 299), tương ứng thửa 297, thửa 300 tờ bản đồ 02 (bản đồ 378). Các bên đương sự thống nhất xác định căn cứ bảng vẽ mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 17/4/2023 và Biên bản định giá ngày 07/6/2022 để làm căn cứ giải quyết vụ án, không yêu cầu đo đạc và định giá lại đất tranh chấp.

Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/3/2022; hiện trạng trên phần đất tranh chấp có 02 ngôi mộ đá (của bà K và bà Đ); 01 ngôi nhà có chiều ngang 4m, chiều dài 13,2m, tổng diện tích 52.8m^2, kết cấu cột bê tông cốt thép đút sẵn, vách xây tường mặt trước, vách hai bên đóng thiếc, vách sau bằng tôn xi măng, mái lợp tôl xi măng, nền láng xin măng diện tích 36m^2; nền đất diện tích 16.8m^2; 01 mái che chiều ngang 3.5m, chiều dài 4m tổng diện tích 31.5m^2 kết cấu cột bê tông đúc sẵn, kết hợp thép và cây gỗ địa phương, mái lợp tôn xi măng và 01 nhà vệ sinh nằm rời ngoài nhà có chiều ngang 2.2m; chiều dài 1.95m; diện tích 4.29m^2. Có kết cấu vách xây tường gạch, mái lợp tôn xi măng, nền láng xin măng, có hầm tự hoại xây gạch. Trên đất còn có các cây trồng như: 02 cây dừa, 06 cây chuối, 05 cây mai trắng, 07 cây mai tứ quí, 01 cây trang đỏ, 01 cây trang vàng, 02 bụi lục bình; 02 cây tràm núi.

[2.2] Theo ông T xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông T được cha mẹ cho từ trước năm 1975. Lý do bà K mẹ bà C cất nhà ở trên đất là do ông T cho bà K mượn đất, khi cho mượn đất có thỏa thuận khi nào ông T cần sử dụng thì bà K sẽ trả lại đất. Để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ thì ông T có cung cấp các tài liệu sau cho Tòa án: Tờ cho mượn đất thổ cư ngày 30/01/1996; Tờ cho mượn đất cất nhà ngày 10/8/2013; Biên bản làm việc tại UBND xã Tân Thạnh ngày 19/3/2020; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Huỳnh Văn T.

[2.3] Bà Lê Kim C xác định phần đất tranh chấp từ trước đến nay do mẹ bà là bà Trần Thị K trực tiếp quản lý sử dụng, khi bà K chết thì bà Đ tiếp tục quản lý sử dụng. Khi bà K và bà Đ chết thì cũng được chôn đất trên phần đất này, hiện tại bà là hàng thừa kế của bà K nên tiếp tục quản lý. Phần đất tranh chấp bà K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; khi còn sống bà K và bà Đ cũng không nói cho bà biết việc có mượn đất của ông T, nên bà không đồng ý tháo dỡ nhà trả đất cho ông T.

[3] Hội đồng xét xử xét T, các tài liệu, chứng cứ ông T là người đại diện theo ủy quyền của ông T giao nộp cho Tòa án đều được chính quyền địa phương xác nhận và là bản gốc. Bà C trình bày không thừa nhận các tài liệu chứng cứ là giấy mượn đất của ông T cung cấp cho Tòa án có chữ K của bà Đ là do bà Đ K nhưng bà C không yêu cầu giám định chữ K của bà Đ, mặc dù tại phiên tòa sơ thẩm bà đã được Hội đồng

xét xử giải thích về quyền và nghĩa vụ về việc yêu cầu giám định chữ K. Do đó, việc bà cho rằng chữ K trong tờ mượn đất không phải chữ K của bà Đ là không có căn cứ. Mặc khác, Căn cứ vào biên bản làm việc tại UBND xã Tân Thạnh ngày 19/3/2020, biên bản thể hiện nội dung bà Lê Kim Đ thừa nhận có mượn đất của ông Huỳnh Văn T và ông T cho bà Đ mượn đất đến khi nào bà Đ đi hoặc chết thì trả lại.

Bà C giao nộp cho tòa án Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 7000m^2 do bà Trần Thị K đứng tên; hồ sơ cấp giấy quyền sử dụng đất cho bà C và Sổ mục kê ruộng đất để chứng minh cho trình bày của mình. Tuy nhiên, căn cứ mặt bằng hiện trạng đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng đăng K đất đai thị xã Giá Rai lập ngày 15/3/2022 và Công văn số 253/TNMT ngày 26/7/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Giá Rai xác định "*Phần đất tranh chấp diện tích 688.0m^2 thuộc một phần thửa 197 tờ bản đồ số 04 (bản đồ 299) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn T theo Quyết định số: 303/QĐ-UB, ngày 06/9/1995 do UBND huyện Giá Rai cấp" và một phần thửa 196, tờ bản đồ số 04 (bản đồ 299); về trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh văn T tính đến thời điểm hiện tại chưa phát hiện sai sót.*

Tại Công văn số 303/TNMT, ngày 06/9/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Giá Rai xác định: *"Về trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị K theo Quyết định số: 303/QĐ-UB, ngày 06/9/1995 do UBND huyện Giá Rai (nay là TX Giá Rai) tính đến thời điểm hiện tại chưa có tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phát hiện sai sót; Phần đất được cấp cho ông Huỳnh Văn T là thửa số 197 và thửa số 198, tờ bản đồ số 04 (bản đồ 229); phần đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị K là thửa số 195 và thửa 187, tờ bản đồ số 04 (bản đồ 229).*

Vị trí đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị K gồm: Thửa số 195, tờ bản đồ số 04 (bản đồ 229) tương ứng với hệ thống bản đồ chính quy 378 là một phần thửa 298, tờ bản đồ số 2, do ông Trần Văn Xệ đứng tên trong sổ mục kê; Thửa số 187, tờ bản đồ số 04 (bản đồ 229) tương ứng với hệ thống bản đồ chính quy 378 là một phần thửa 254, tờ bản đồ số 2, do bà Trần Thị K đứng tên trong sổ mục kê.

Từ những chứng cứ trên có cơ sở xác định vị trí đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn T và vị trí đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị K là hoàn toàn khác nhau. Do đó, việc bà C cho rằng phần đất tranh chấp hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà K là không có cơ sở chấp nhận, mà có cơ sở chấp nhận chứng cứ của ông T cung cấp. Bà K và bà Đ đã chết, bà C là người thừa kế duy nhất và cũng là người đang quản lý phần đất tranh chấp, nên ông T khởi kiện yêu cầu bà C có nghĩa vụ trả lại phần đất tranh chấp nêu trên là có căn cứ chấp nhận, tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà C giao trả đất cho ông T là có căn cứ.

[4] Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lê Kim C và ông Đặng Văn S; không chấp nhận đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C, ông S; đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Kim C và Đặng Văn S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Các phần khác của bản án các đương sự không có kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Kim C và Đặng Văn S.

Giữ nguyên Bản án số 30/2023/DS-ST, ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 148, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015:

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T đối với bà Lê Kim C về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Buộc bà Lê Kim C và ông Đặng Văn S có trách nhiệm tháo dở, di dời 01 căn nhà chính, 01 mái che, 01 nhà vệ sinh để giao trả phần đất có diện tích 456.5m^2, tại thửa 297, thửa 300, tờ bản đồ 02 (bản đồ 378), đất tọa lạc tại ấp Kinh Lớn, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu để giao trả cho ông Huỳnh Văn T và bà Lữ Thị C2. Phần đất tranh chấp có số đo và vị trí tứ cạnh cụ thể như sau:

- Hướng đông giáp phần đất tranh chấp thứ hai có số đo cạnh dài 16.50 + 17.50 + 10.17m;
- Hướng Tây giáp phần đất ông Huỳnh Văn T có số đo cạnh dài 34.20m;
- Hướng Nam giáp đường bên tông có số đo cạnh dài 5.54m + 5.18m;
- Hướng Bắc giáp phần đất ông Huỳnh Văn T có số đo cạnh dài 9.40m;

Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực buộc bà Lê Kim C, ông Đặng Văn S có trách nhiệm tháo dở, di dời 01 căn nhà chính, 01 mái che, 01 nhà vệ sinh để giao trả phần đất có diện tích 456.5m^2 nêu trên cho ông Huỳnh Văn T và bà Lữ Thị C2.

2. Công nhận phần nền mộ có diện tích 18.40m^2 và lối đi vào mộ có diện tích 8.20m^2 , tổng diện tích 26,6m^2 cho bà Lê Kim C quản lý sử dụng. Phần đất tại thửa 297, thửa 300 tờ bản đồ 02 (bản đồ 378), tọa lạc tại ấp Kinh Lớn, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. *(Có vị trí tứ cạnh như mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 17/4/2023)*

3. Buộc bà Lê Kim C có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng đất nền mộ và lối đi vào mộ diện tích 26.6m^2 bằng 4.522.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm hai mươi hai ngàn đồng).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T đối với bà Lê Kim C về việc yêu cầu giao trả phần đất thứ II có diện tích 204.9m^2 thuộc thửa 298 tờ bản

đồ 02 (bản đồ 378), đất tọa lạc tại ấp Kinh Lớn, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Có vị trí tứ cạnh cụ thể như sau:

- Hướng đông giáp phần đất của ông Trần Văn Xệ có số đo cạnh dài 40.83m;
- Hướng Tây giáp phần đất tranh chấp thứ nhất có số đo cạnh dài 16.50m + 17.50;
- Hướng Nam giáp lối đi vào mộ có số đo cạnh dài 16.48m;
- Hướng Bắc giáp phần đất tranh chấp thứ nhất có số đo cạnh dài 0m;

5. Ông Huỳnh Văn T, bà Lữ Thị C2 và bà Lê Kim C có quyền liên hệ cơ quan chuyên môn điều chỉnh, đăng K biến động diện tích quyền sử dụng đất nêu trên khi có nhu cầu.

6. Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Lữ Thị C2 trả giá trị cây trồng trên đất cho bà Lê Kim C số tiền 1.665.000 đồng. Ông Huỳnh Văn T và bà Lữ Thị C2 được quyền quản lý sử dụng gồm: 02 bụi lục bình; 06 bụi chuối; 04 cây mai trắng; 07 cây mai tứ quý; 01 bông trang đỏ; 01 cây bông trang vàng trên phần đất có diện tích 456.5m^2, tại thửa 297, thửa 300 tờ bản đồ 02 (bản đồ 378), đất tọa lạc tại ấp Kinh Lớn, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

7. Buộc bà Lê Kim C và ông Đặng Văn S có trách nhiệm giao 02 bụi lục bình; 06 bụi chuối; 04 cây mai trắng; 07 cây mai tứ quý; 01 bông trang đỏ; 01 cây bông trang vàng cho ông T và bà C2 quản lý sử dụng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có Đ yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm và chi phí tố tụng khác:

8.1. Bà Lê Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch 300.000 đồng.

8.2. Ông Huỳnh Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số: 0003836, ngày 10/8/2022 được hoàn lại toàn bộ.

8.3. Ông Huỳnh Văn T và Lữ Thị C2 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 300.000 đồng.

8.4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 2.462.000 đồng bà C phải chịu. Ông T đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá 2.462.000 đồng đã chi hết. Buộc bà C có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 2.462.000 đồng.

8.5 Án phí dân sự phúc thẩm bà Lê Kim C phải chịu 300.000 đồng, ông Đặng Văn S phải chịu 300.000 đồng. Bà C, ông S đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0014781 và 0014782, cùng ngày 09/6/2023 chuyển thu án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã Giá Rai;
- CCTHADS thị xã Giá Rai;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Tân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA